

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 05/3/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO- TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2/ Ông C Vũ Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2019/TLST-DS ngày 02/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 20/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Anh Đỗ Kim M, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

2. Chị Phan Phạm Thái Hồng C, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào khoảng năm 2018 - 2019, Bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng anh M và chị C là chủ hụi, cụ thể:

- Hụi khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), mãn vào ngày 10/02/2020 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, Bà tham gia 01 phần, hụi có 20 phần, Bà đã đóng được 12 kỳ với số tiền là 60.000.000 đồng.

- Hụi khai ngày 30/01/2019 (âm lịch), mãn vào ngày 30/7/2020 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, Bà tham gia 02 phần, hụi có 19 phần, Bà đã đóng được 07 kỳ với số tiền là 70.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 06 - 07 năm 2019 (âm lịch), chị C và anh M tuyên bố bẻ hụi và không tổ chức hụi nữa. Do đó, 02 dây hụi trên phía chị C và anh M nợ Bà số tiền là 130.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị C có vay Bà số tiền 182.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, phương thức trả là 20 tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng với số tiền phải trả là 200.000.000 đồng. Chị C đã trả cho Bà được 15 tháng với số tiền 150.000.000 đồng và ngưng không trả nữa. Do đó, chị C còn nợ số tiền là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hụi và nợ vay, phía chị C và anh M nợ Bà số tiền là 180.000.000 đồng, Bà đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng không được.

Do đó, nay Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C và anh M phải trả số tiền nợ là 180.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ.

\* Phần trình bày ý kiến của bị đơn là anh Đỗ Kim M: Anh là chồng của chị Phan Phạm Thái Hồng C. Việc tổ chức hụi của chị C, anh M không biết, không sử dụng tiền hụi của chị C. Đối với số tiền nợ là 50.000.000 đồng, anh M cũng không biết và chị C cũng không đem tiền về phục vụ nhu cầu gia đình. Anh có đơn xin vắng trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Phần trình bày ý kiến của bị đơn chị Phan Phạm Thái Hồng C: Thống nhất còn nợ Bà N 50.000.000 đồng tiền vay. Đối với nợ hụi, Chị thống nhất Bà N có tham gia chơi hụi do Chị làm chủ hụi theo như Bà N trình bày nhưng đối với dây hụi ngày 30/01/2019 (âm lịch), thì Bà N chỉ đóng 06 kỳ chứ không như Bà N trình bày là Bà đã đóng 07 kỳ. Nay Chị đồng ý trả nợ cho Bà N nhưng đối với số tiền nợ hụi, Chị chỉ đồng ý trả số tiền mà Bà N thực đóng, không đồng ý trả theo yêu cầu của Bà N.

Đối với hụi 5.000.000 đồng, thì Bà N chỉ đóng 4.000.000 đồng/tháng. Khi Chị tổ chức hụi các bên có thỏa thuận tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng trên một lần hốt hụi.

Hai dây hụi Bà N đã thực đóng tổng cộng là 96.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng. Tổng cộng Chị còn nợ Bà N là 146.000.000 đồng. Nay Chị xin trả 30% số nợ trong tháng 04/2020 và số tiền còn lại xin trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N có đơn khởi kiện đối với chị C và anh M. Chị C và anh M có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N khởi kiện anh M và chị C để tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 471 Bộ Luật dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh M và chị C trả cho Bà số tiền nợ là 170.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp với khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền và chơi hụi giữa bà N và chị C là có thật, được các bên đương sự thừa nhận nên bà N đã có đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bà N, Bà có đơn yêu cầu khởi kiện yêu cầu số tiền nợ là 180.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, bà N tự nguyện rút lại một tháng đóng tiền là 10.000.000 đồng nên Bà chỉ còn kiện số tiền là 170.000.000 đồng. Việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trên số tiền mà bà N yêu cầu là 170.000.000 đồng.

Đối với chị C, Chị thống nhất nợ vay còn nợ bà N là 50.000.000 đồng và có tổ chức hụi cho bà N tham gia 02 dây hụi do Chị làm chủ hụi và bà N chỉ đóng số tiền hụi là 96.000.000 đồng. Lý do đóng số tiền 96.000.000 đồng là do hụi kê hàng tháng là 1.000.000 đồng nên số tiền thực đóng là 4.000.000 đồng x 24 tháng là 96.000.000 đồng. Việc Chị tổ chức hụi là hụi có lời và có hưởng tiền hoa hồng. Hiện hụi đã bể do có hụi viên không đóng hụi nên không thể tiếp tục tổ chức hụi nữa. Việc Chị vay tiền và tổ chức hụi chồng Chị là anh M không biết.

Đối với anh M, Anh cho rằng anh là chồng chị C nhưng chị C vay tiền và tổ chức hội Anh không biết nên Anh không có trách nhiệm trả nợ cho phía bà N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị C đã thừa nhận có tổ chức hội cho bà N tham gia 02 dây hội và thống nhất số lần đóng hội nhưng chị C không đồng ý trả tiền lãi, chỉ đồng ý số tiền bà N mỗi tháng đóng là 4.000.000 đồng với tiền đã đóng là 96.000.000 đồng. Việc tổ chức hội của chị C, đã thỏa thuận hội có lãi nên chị C phải có nghĩa vụ đối với thỏa thuận ngay khi chị C tổ chức hội cho các hội viên.

[4]. Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa không đương sự nào yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5]. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị C và anh M là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh M phải có nghĩa vụ cùng chị C thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, việc chị C tổ chức hội và vay tiền từ bà N, anh M không có ý thể hiện phản đối cũng như không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện anh không đồng ý.

Xét lời trình bày của bà N là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với thực tế và phù hợp lời nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét lời trình bày của chị C và anh M là không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Đối với anh M, Anh có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên Bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị C và anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Đỗ Kim M và chị Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ là 170.000.000 đồng ( một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M và chị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng anh M và chị C còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí DSST:

2.1. Buộc anh M và chị C phải chịu 8.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003089 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)**

Ngô Vũ Hoài Phương